

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm đ Điều 1.3 Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-TCDS ngày 30 tháng 7 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N;

Địa chỉ: 198 đường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh B - Giám đốc chi nhánh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: ông Trương Mạnh T - Trưởng phòng giao dịch Bố Trạch thuộc Chi nhánh Quảng Bình;

Địa chỉ: số 01C T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: ông Hoàng Văn D, sinh năm 1980 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hoàng Thị C;

Địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần N tạm thời rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 99/2017/VCB.QB ngày 10/5/2017 giữa Ngân hàng và bà Hoàng Thị C.

2.2. Về khoản nợ: Số tiền ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng (Hợp đồng cho vay bán lẻ số 600/2016/VCBQB ngày 20/9/2016; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 100/2017/VCB.QB ngày 15/5/2017; hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 910/2017/VCB.QB ngày 09/10/2017; hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 117/2019/VCB.QB ngày 16/4/2019), tính đến hết ngày 18/01/2022 là 2.904.277.778 đồng (*hai tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng*); trong đó bao gồm: dư nợ gốc là 2.225.702.393 đồng, nợ lãi là 614.903.055 đồng, lãi chậm trả là 63.672.330 đồng.

2.3. Cam kết trả nợ: ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị H chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N theo lộ trình như sau: chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 hàng năm, trả số tiền 200.000.000 đồng; chậm nhất đến ngày 30 tháng 12 hàng năm, trả số tiền 200.000.000 đồng, bắt đầu từ năm 2022.

2.4. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông D và bà H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã cam kết để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là 01 tàu cá biển kiểm soát QB 98157TS, giấy chứng nhận đăng ký số 60303 do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 16/6/2016.

2.5. Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (18/01/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 90.085.556 đồng (*chín mươi triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng*).

Ngày 29/12/2021, ông Hoàng Văn D và bà Hoàng Thị H có Đơn xin miễn án phí, được chính quyền địa phương xác nhận; lý do: hoàn cảnh gia đình khó khăn, những năm gần đây Biển mất mùa, khó đánh bắt hải sản, dịch bệnh Covid - 19 khiến

cá mất giá, không có nơi tiêu thụ. Xét thấy đơn trình bày của ông D và bà H là đúng sự thực, việc gia đình Ông Bà gặp khó khăn do dịch bệnh là sự kiện bất khả kháng nên Ông, Bà đủ điều kiện được giảm 50% mức án phí phải nộp; vì vậy, số tiền án phí sơ thẩm ông D và bà H phải nộp là 45.042.778 đồng (*bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng, bảy trăm bảy mươi tám đồng*).

Ông D và bà H chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 42.479.960 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002346 ngày 30/7/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức